

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại;

Căn cứ Thông tư số 11/2008/TT-BXD ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại (*sau đây viết tắt là giá cho thuê nhà ở*) trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại.

Điều 2. Giá cho thuê nhà ở**1. Tại thành phố Pleiku**

Thành phố Pleiku là đô thị loại I, hệ số cấp đô thị $K1 = 0,00$, giá cho thuê nhà ở được tính như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng cao	Khu vực nội thành (các phường)			Khu vực ngoại thành (các xã)		
		K2 = 0,00			K2 = - 0,20		
		Điều kiện hạ tầng (K4)			Điều kiện hạ tầng (K4)		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
		K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20	K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20
Cấp II Giá chuẩn 23.099	Tầng 1, K3 = 0,15	26.564	24.254	21.944	21.944	19.634	17.324
	Tầng 2, K3 = 0,05	24.254	21.944	19.634	19.634	17.324	15.014
	Tầng 3, K3 = 0,00	23.099	20.789	18.479	18.479	16.169	13.859
Cấp III Giá chuẩn 22.365	Tầng 1, K3 = 0,15	25.720	23.483	21.247	21.247	19.010	16.774
	Tầng 2, K3 = 0,05	23.483	21.247	19.010	19.010	16.774	14.537

	Tầng 3, K3 = 0,00	22.365	20.129	17.892	17.892	15.656	13.419
Cấp IV Giá chuẩn 15.033	K3 = 0,15	17.288	15.785	14.281	14.281	12.778	11.275
Nhà không đáp ứng 50% cấp IV Giá chuẩn 7.515	K3 = 0,15	8.642	7.891	7.139	7.139	6.388	5.636

2. Tại thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa

Thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa là đô thị loại IV, hệ số cấp đô thị K1 = - 0,15 giá cho thuê nhà ở được tính như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng cao	Khu vực nội thành (các phường)			Khu vực ngoại thành (các xã)		
		K2 = 0,00			K2 = - 0,20		
		Điều kiện hạ tầng (K4)			Điều kiện hạ tầng (K4)		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
		K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20	K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20
Cấp II Giá chuẩn 23.099	Tầng 1, K3 = 0,15	23.099	20.789	18.479	18.479	16.169	13.859
	Tầng 2, K3 = 0,05	20.789	18.479	16.169	16.169	13.859	11.550
	Tầng 3, K3 = 0,00	19.634	17.324	15.014	15.014	12.704	10.395
Cấp III Giá chuẩn 22.365	Tầng 1, K3 = 0,15	22.365	20.129	17.892	17.892	15.656	13.419
	Tầng 2, K3 = 0,05	20.129	17.892	15.656	15.656	13.419	11.183
	Tầng 3, K3 = 0,00	19.010	16.774	14.537	14.537	12.301	10.064
Cấp IV Giá chuẩn 15.033	K3 = 0,15	15.033	13.530	12.026	12.026	10.523	9.020
Nhà không đáp ứng 50% cấp IV Giá chuẩn 7.515	K3 = 0,15	7.515	6.764	6.012	6.012	5.261	4.509

3. Giá cho thuê nhà ở quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và thay thế Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai; Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi khoản 1 Điều 2 Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, thị xã Ayun Pa, thị xã An Khê; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Quế